CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT

Ngày 30/06/2025	65,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.1%	**8.4%**	**-**

DT thuần
Q2/25
210
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0| 79.3%
YoY: ▲ 59.0| 38.9%

LN thuần
Q2/25
55.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.4| 138%
YoY: ▲ 13.8| 32.8%

LN sau thuế
Q2/25
44.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.8| 137%
YoY: ▲ 11.1| 33.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
26.6%
YoY: +/-▲ 6.6%

ROE (TTM)
Q2/25
19.9%
YoY: +/-▲ 2.7%

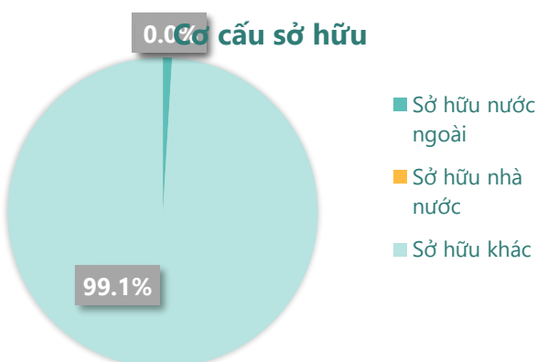
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	50,307 - 80,970
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,201
Số lượng CPLH (CP)	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,185
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	1.15
EPS	7,948
P/E	8.2

DT thuần
6T 2025
327
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 17.6%

LN thuần
6T 2025
79.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.9| 27.2%

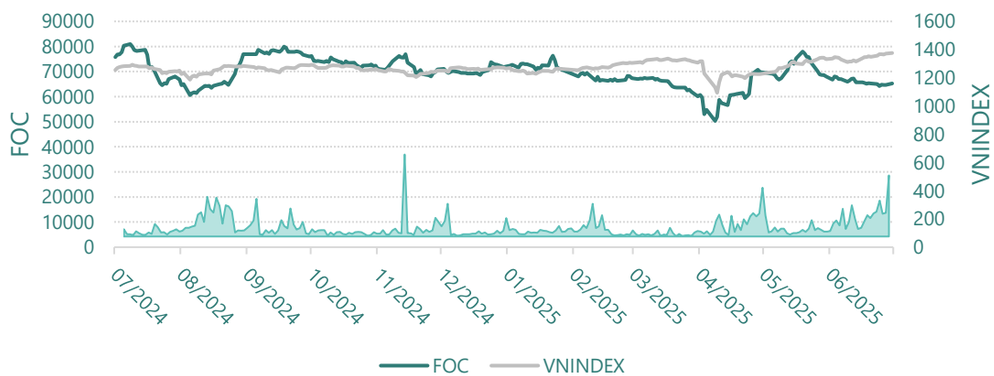
LN sau thuế
6T 2025
63.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.6| 27.3%

Cơ cấu sở hữu

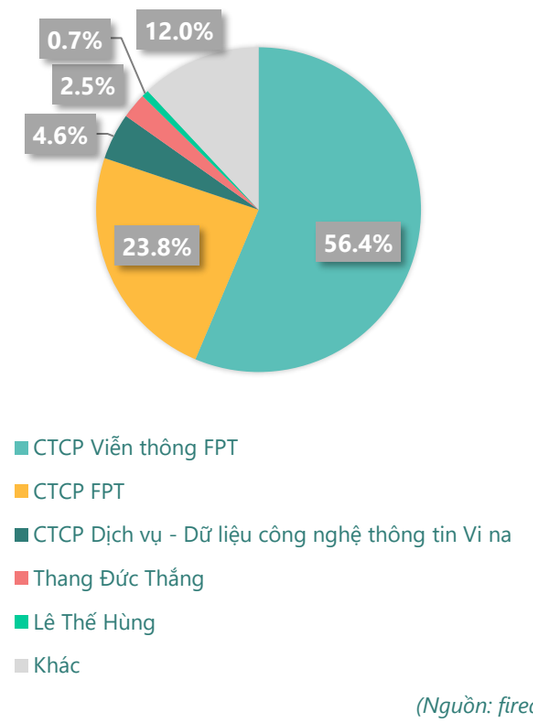


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



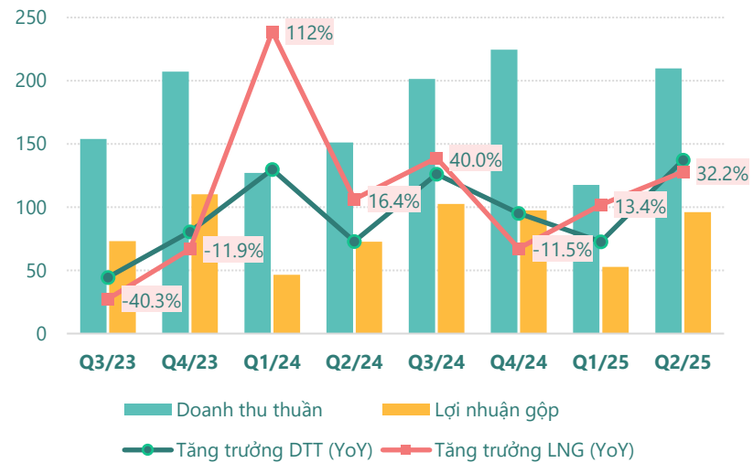
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

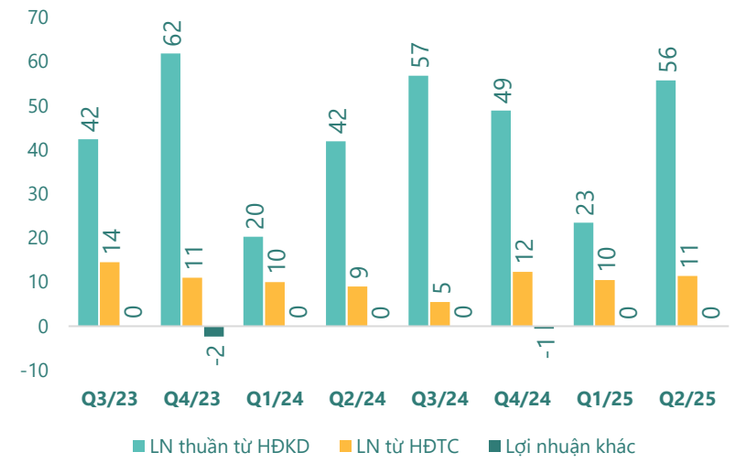
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



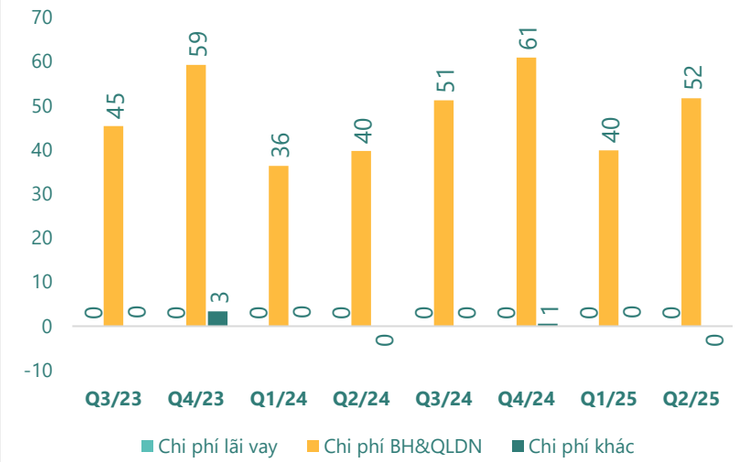
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



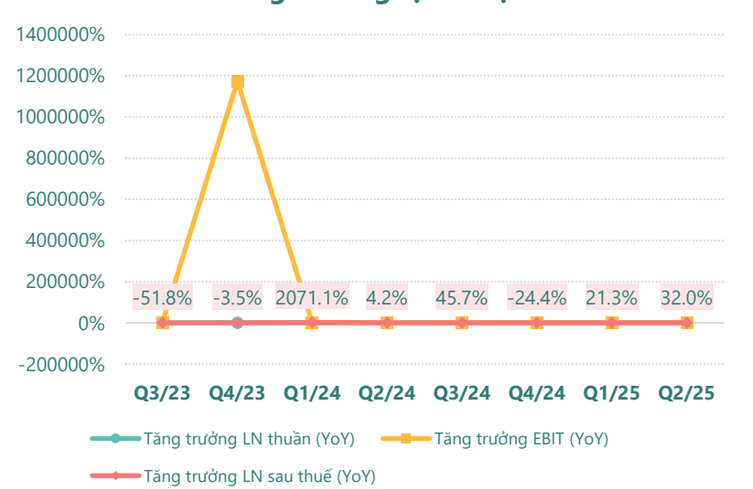
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



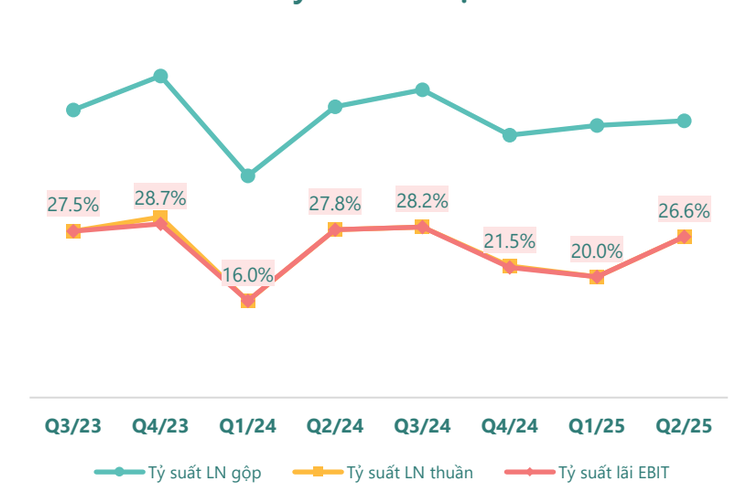
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



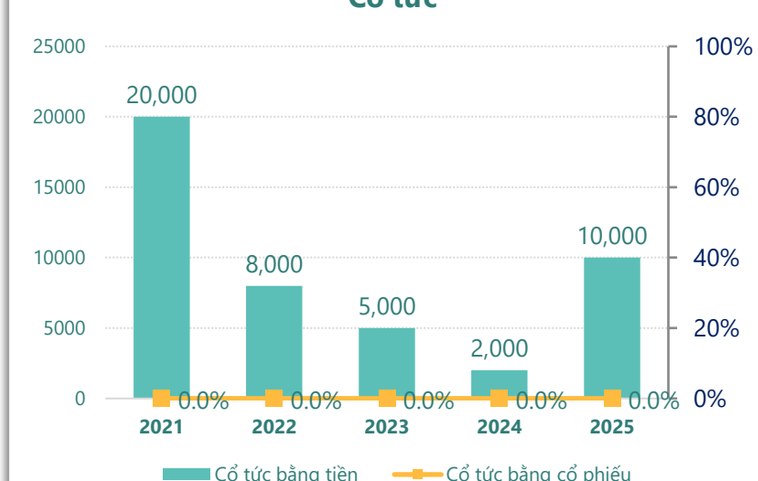
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

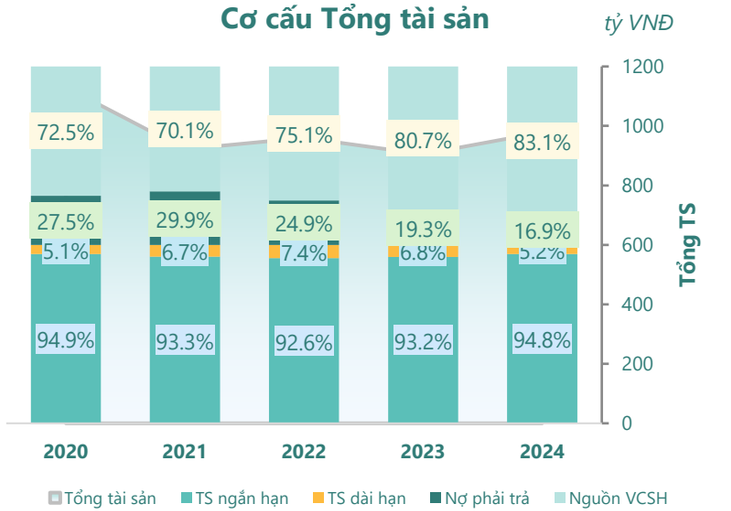
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

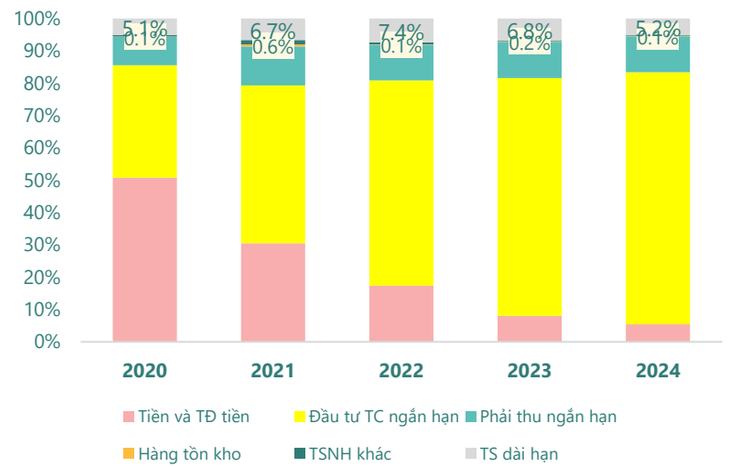
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



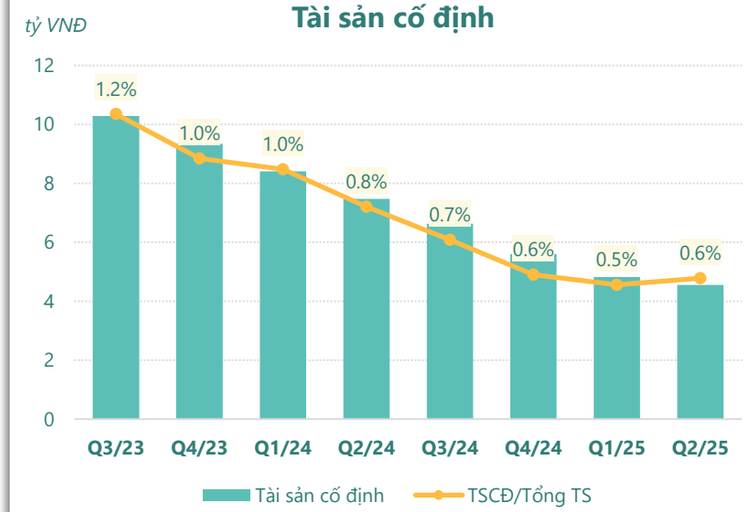
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



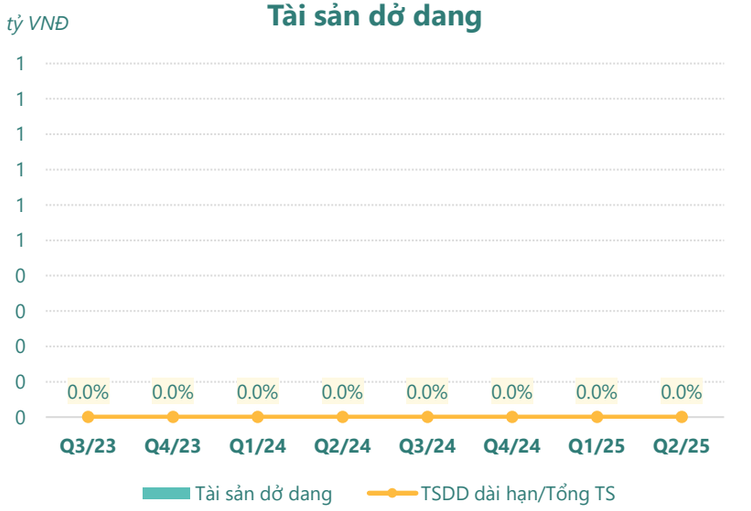
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



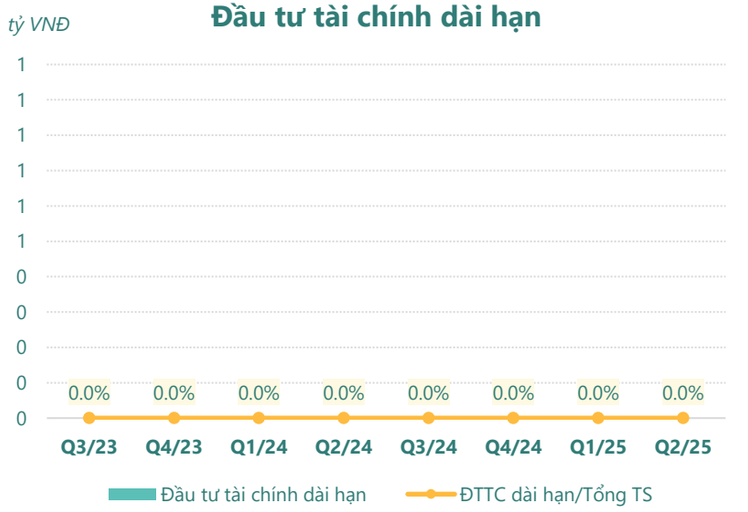
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



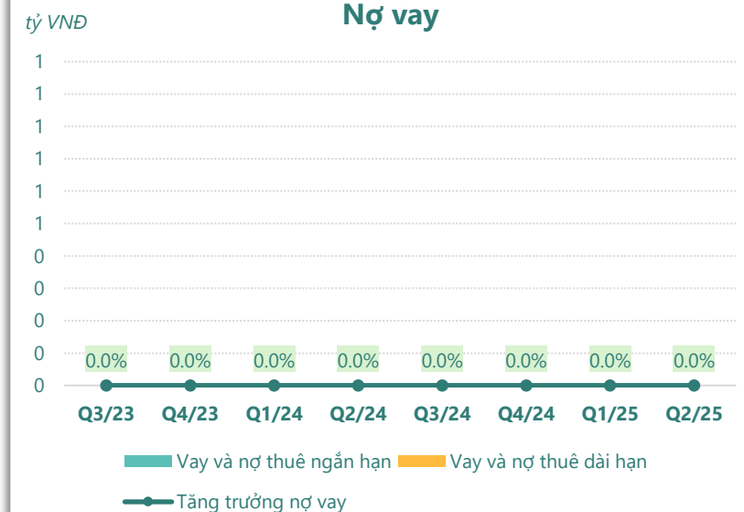
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

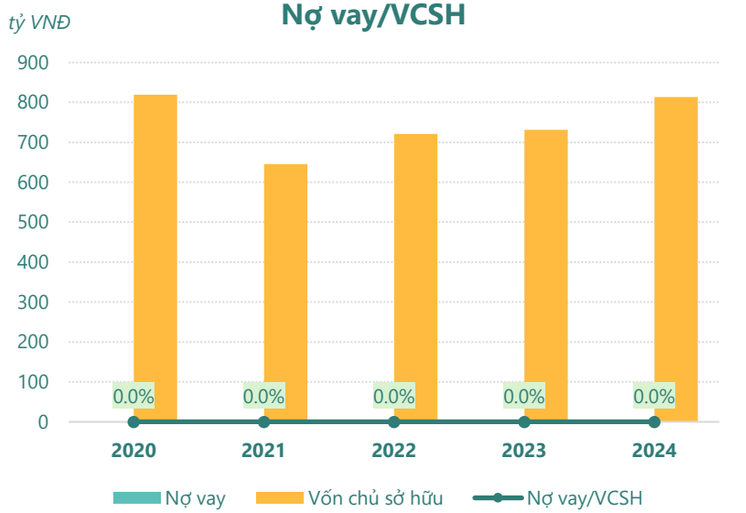
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

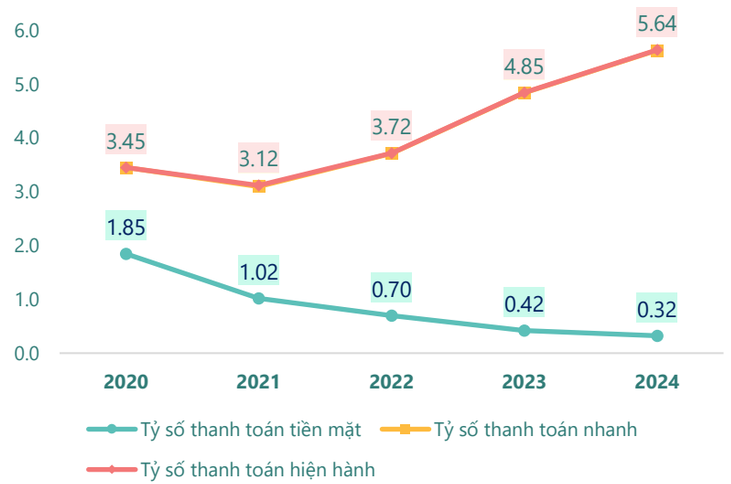
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



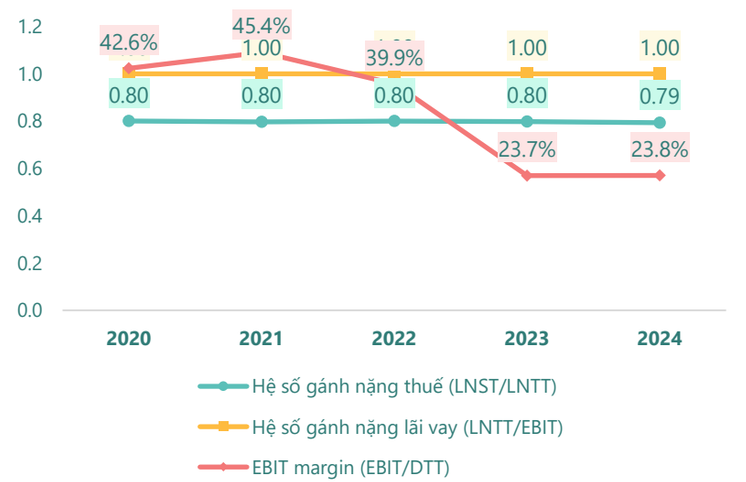
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



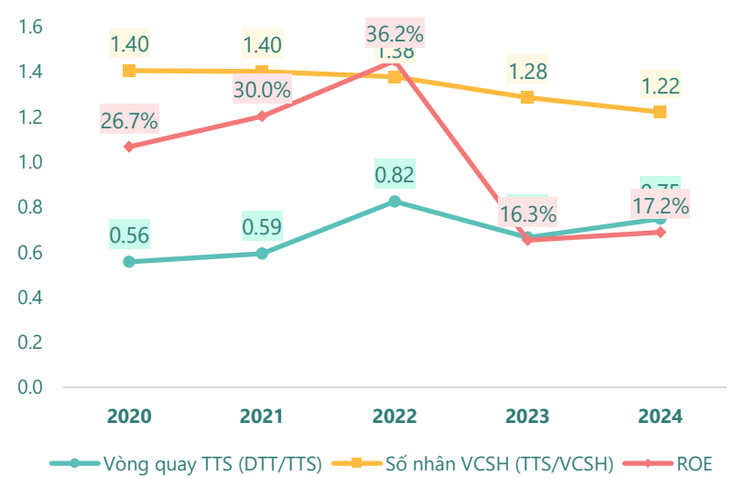
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



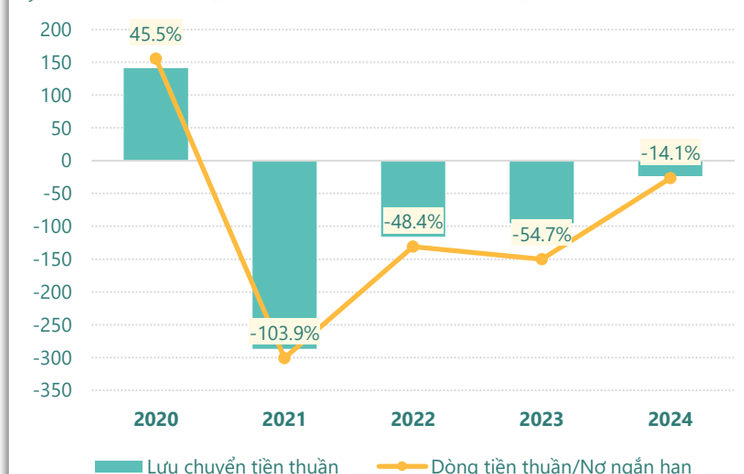
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**210**	**151**	**38.9%**	**327**	**278**	**17.6%**
Giá vốn hàng bán	114	78.5	44.9%	178	159	12.1%
Lợi nhuận gộp	96.0	72.7	32.1%	149	119	24.8%
Doanh thu HĐTC	11.5	9.02	28.0%	22.0	19.0	15.6%
Chi phí TC	0.12	0.01	1133%	0.12	0.01	1096%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	23.2	16.8	38.0%	40.9	34.3	19.4%
Chi phí QLDN	**28.5**	**22.9**	**24.5%**	**50.7**	**41.8**	**21.2%**
LN thuần từ HĐKD	55.8	42.0	32.8%	79.2	62.3	27.2%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.00**		**0.02**	**0.05**	**-69.6%**
LN trước thuế	55.8	42.0	32.8%	79.2	62.3	27.2%
Lợi nhuận sau thuế	**44.6**	**33.5**	**33.2%**	**63.4**	**49.8**	**27.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**44.6**	**33.5**	**33.2%**	**63.4**	**49.8**	**27.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.6	37.0	56.8	24.4	-47.0	61.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.74	-42.6	-9.73	-6.99	27.7	134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-36.8	0	0	-184
Tiền đầu kỳ	73.2	29.6	25.4	33.2	53.3	34.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-45.3**	**-5.62**	**10.3**	**17.4**	**-19.3**	**10.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.67	1.43	-2.48	2.66	0.62	1.62
Tiền cuối kỳ	29.6	25.4	33.2	53.3	34.6	46.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**816**	**979**	**-16.6%**
Tài sản ngắn hạn	771	928	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	46.9	53.3	-12.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	622	763	-18.5%
Phải thu ngắn hạn	98.8	108	-8.7%
Hàng tồn kho	0.87	1.06	-18.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.87	2.75	-32.0%
Tài sản dài hạn	**45.8**	**50.9**	**-10.0%**
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.0%
Tài sản cố định	4.55	5.59	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**40.6**	**44.7**	**-9.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	124	166	-25.4%
Nợ ngắn hạn	**122**	**165**	**-25.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	19.1	8.7%
Nợ dài hạn	1.39	0.94	47.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**693**	**814**	**-14.8%**
Vốn chủ sở hữu	**693**	**814**	**-14.8%**
Vốn điều lệ	185	185	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)